

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024)

LỚP K16A-D4A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Số Đvht :						ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
				3	4	5	3	5	2				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
				TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN				
1	16011033	Đinh Thị Vân Anh	02/01/2004	9.1	7.5	6.8	5.9	8.1	7.6	7.5	Khá		
2	16011033	Tạ Hồng Anh	15/03/2004	8.8	7.3	7.8	7.3	7.6	6.4	7.6	Khá		
3	16011036	Mai Ngọc Anh	27/10/2004	8.5	6.9	7.5	6.7	8.4	7.0	7.6	Khá		
4	16011037	Phí Vũ Hà Anh	08/10/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
5	16011032	Nguyễn Xuân Bách	01/09/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
6	16011038	Sùng Thị Chay	01/06/2003	0.0	2.6	1.4	2.7	6.9	2.4	2.9	Yếu		5=83.3%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
7	16011030	Bùi Thị Linh Chi	17/11/2004	7.7	6.0	3.8	4.8	7.7	2.8	5.7	Trung bình		3=50.0%(4:3.5)(6:0)
8	16011032	Nguyễn Linh Chi	12/06/2004	0.0	0.6	0.0	3.1	7.9	0.0	2.3	Yếu		5=83.3%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
9	16011035	Trần Linh Chi	01/08/2022	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
10	16011036	Lò Thị Kim Chi	18/08/2004	8.9	7.1	6.4	7.1	7.6	7.6	7.3	Khá		
11	16011040	Nguyễn Thị Tường Chi	14/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
12	16011034	Nguyễn Cao Cường	17/05/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
13	16011032	Nguyễn Thị Mai Diễm	22/05/2003	9.5	7.4	7.7	6.8	8.3	7.7	7.9	Khá		
14	16011038	Nguyễn Tiến Dũng	11/08/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
15	16011033	Vương Thị Thùy Dương	06/08/1984	9.1	8.3	8.0	7.4	8.0	7.4	8.1	Giỏi		
16	16011040	Vũ Văn Hà	02/07/2000	0.0	0.0	1.3	0.0	3.3	0.0	1.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
17	16011018	Nguyễn Mai Hạnh	08/05/2003	0.0	6.1	6.3	7.2	7.5	7.6	5.9	Trung bình		1=16.7%(1:0)
18	16011034	Lô Minh Hạnh	18/11/2004	0.0	0.8	3.3	0.0	1.7	0.0	1.3	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
19	16011033	Thái Thị Hoa	10/02/2004	8.7	6.1	7.5	6.3	7.4	6.4	7.1	Khá		

			Số Đvht :	3	4	5	3	5	2				
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011034	Nguyễn Thị Hoài	22/07/1995	<u>0.0</u>	<u>1.7</u>	<u>0.0</u>	<u>2.8</u>	7.8	<u>0.0</u>	2.5	Yếu		5=83.3%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
21	16011032	Nguyễn Minh Hoàng	24/06/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
22	16011039	Đào Duy Hùng	09/11/2004	<u>0.0</u>	<u>2.5</u>	<u>0.5</u>	5.9	7.2	<u>2.0</u>	3.2	Yếu		4=66.7%(1:0)(2:0)(6:0)
23	16011032	Lưu Thu Huyền	16/11/2004	8.8	<u>2.4</u>	6.9	<u>3.7</u>	7.6	6.6	6.0	T.bình khá		2=33.3%(2:0)(4:1)
24	16011036	Hoàng Thị Minh Huyền	18/02/2003	<u>0.0</u>	7.3	6.9	5.7	7.1	6.5	5.9	Trung bình		1=16.7%(1:0)
25	16011023	Bùi Thị Khuyên	19/09/2004	7.4	7.4	6.7	6.9	7.7	7.3	7.2	Khá		
26	16011021	Vũ Thị Mai Linh	30/03/2004	6.1	<u>1.5</u>	<u>4.9</u>	5.7	7.5	<u>2.4</u>	4.9	Yếu		3=50.0%(2:0)(6:0)
27	16011034	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	19/02/2004	8.9	7.2	6.5	6.7	8.0	7.9	7.5	Khá		
28	16011038	Hoàng Thị Thuỳ Linh	22/07/2004	8.0	<u>1.5</u>	<u>4.3</u>	6.7	7.5	<u>2.5</u>	5.2	Trung bình		3=50.0%(2:0)(6:0)
29	16011022	Trương Thị Bích Loan	24/09/2004	<u>0.0</u>	6.5	7.4	7.6	7.5	7.6	6.3	T.bình khá		1=16.7%(1:0)
30	16011031	Vũ Yến Mai	24/05/2004	7.5	5.7	7.0	5.9	7.9	<u>2.8</u>	6.5	T.bình khá		1=16.7%(6:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.3%), Khá: 8 (26.7%), T.bình khá: 3 (10.0%), Trung bình: 4 (13.3%), Yếu: 14 (46.7%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) TH: TIN HỌC

(2) GPSL: GIẢI PHẪU SINH LÝ

(3) DL: DƯỠC LIỆU

(4) HS: HÓA SINH

(5) DLĐC: DƯỠC LÝ ĐẠI CƯƠNG

(6) TACN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH